ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0302511219 (số cũ: 4103000781), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/08/2020)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số ..356../GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày.....tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ	:	Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	(84 - 28) 38 446 409
Fax	:	(84 - 28) 38 488 359
Email	:	mngt@vinafreight.com.vn
Website	:	www.vinafreight.com

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ	:	Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84 - 28) 62 908 686
Fax	:	(84 - 28) 62 910 607
Website	:	www.fpts.com.vn

Người Công bố thông tin

Tên	: Nguyễn Huy Diệu	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại	: (84 - 28) 38 446 409	Fax: (84 - 28) 38 488 359

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0302511219 (số cũ: 4103000781), do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/08/2020)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	**: Cổ phiếu Công ty cổ phần VINAFREIGHT**
Mệnh giá	**: 10.000 đồng**
Giá bán	**: 10.000 đồng/cổ phiếu**
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	**: 16.753.500 cổ phiếu**
Hình thức	
• Chào bán ra công chúng (tỷ lệ 1: 2)	: 16.753.500 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	**: 167.535.000.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ	:	02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	(84 - 28) 35 472 972
Fax	:	(84 - 28) 35 472 970
Email	:	banbientap@a-c.com.vn
Website	:	https://www.a-c.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – CN Tp.Hồ Chí Minh

Trụ sở chính	:	52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại	:	(84 - 24) 37 737 070 – 62 717 171
Fax	:	(84 - 24) 37 739 058
Email	:	fptsecurities@fpts.com.vn
Website	:	http://www.fpts.com.vn

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ	:	Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84 - 28) 62 908 686 Fax: (84 - 28) 62 910 607

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro tỷ giá 6
3. Rủi ro đặc thù ngành 7
4. Rủi ro về luật pháp 7
5. Rủi ro thanh toán cho đối tác 8
6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 8
7. Rủi ro pha loãng 8
8. Rủi ro quản trị 9
9. Rủi ro khác 9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 10
1. Tổ chức phát hành 10
2. Tổ chức tư vấn 10
III. CÁC KHÁI NIỆM 10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 11
1. Khái quát về Tổ chức phát hành 11
2. Quá trình hình thành và phát triển 12
3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty 14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại 17
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của tổ chức phát hành .18
6. Báo cáo quá trình tăng vốn 20
7. Hoạt động kinh doanh 21
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất 28
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 29
10. Chính sách đối với người lao động 30
11. Chính sách cổ tức 31
12. Tình hình tài chính 31
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 38
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 63
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức: 63
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành: 63

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: 64
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 65
1. Loại cổ phiếu 65
2. Mệnh giá 65
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành 65
4. Giá chào bán dự kiến 65
5. Phương pháp tính giá 65
6. Phương thức phân phối 65
7. Thời gian phân phối cổ phiếu 65
8. Đăng ký mua cổ phiếu 67
9. Phương thức thực hiện quyền 68
10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) 68
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 69
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: 69
13. Các loại thuế có liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán: 69
14. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án xử lý 70
15. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu: 70
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 71
1. Mục đích chào bán 71
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 71
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán 71
2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn 72
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 73
IX. PHỤ LỤC 74

Danh mục bảng biểu

Sơ đồ 01: Cơ cấu tổ chức 14
Sơ đồ 02: Sơ đồ quản lý 15
Bảng 01: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần VNF trở lên (Tính đến ngày 15/05/2020) 17
Bảng 02: Cơ cấu cổ đông 17
Bảng 03: Cơ cấu doanh thu qua các năm (Hợp nhất) 22
Bảng 04: Cơ cấu doanh thu qua các năm (Công ty mẹ) 22
Bảng 05: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm (Hợp nhất) 23
Bảng 06: Cơ cấu lợi nhuận qua các năm (Công ty mẹ) 24
Bảng 07: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm (Hợp nhất) 24
Bảng 08: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm (Công ty mẹ) 25
Bảng 09: Thông tin về các hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hóa 27
Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của VNF (Hợp nhất) 28
Bảng 12: Cơ cấu lao động của VNF (tính đến ngày 30/06/2020) 30
Bảng 13: Chính sách cổ tức 31
Bảng 14: Vốn điều lệ qua các năm 31
Bảng 15: Vốn kinh doanh qua các năm (Hợp nhất): 32
Bảng 16: Thời gian khấu hao Tài sản cố định 32
Bảng 17: Mức lương bình quân 33
Bảng 18: Các khoản thuế phải nộp 33
Bảng 19: Số dư các quỹ 33
Bảng 20: Chi tiết nợ vay 34
Bảng 21: Công nợ phải thu ngắn hạn 34
Bảng 22: Công nợ phải thu dài hạn 34
Bảng 23: Công nợ phải trả 35
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 36
Bảng 25: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2019 62
Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 62
Bảng 27: Lịch trình phân phối cổ phiếu 66
Bảng 28: Kế hoạch sử dụng vốn 71

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Đặc điểm kinh doanh của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động xuất nhập khẩu nên tăng trưởng kinh tế và thương mại có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của VINAFREIGHT. Trong năm 2019, chiến tranh thương mại leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành công nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng, từ đó kéo theo tăng trưởng kinh tế thế giới bị giảm tốc. Theo tính toán của IMF, kinh tế thế giới trong năm qua chỉ tăng trưởng ở mức 2,9% trong khi con số này ở năm 2018 là 3,7%. Tại Việt Nam, tuy GDP 2019 tăng trưởng với tốc độ 7,02%, vượt kế hoạch mà Quốc Hội đề ra (6,6% – 6,8%), nhưng mảng xuất nhập khẩu vẫn chịu một số ảnh hưởng nhất định từ sự giảm tốc của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông thủy sản. Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu nông và thủy sản năm 2019 giảm lần lượt 4,9% và 2,8% so với cùng kì năm ngoái. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu một số hàng hóa như linh kiện điện tử, máy móc thiết bị, giày dép và hàng dệt may lại tăng trưởng nhờ hưởng lợi từ chiến tranh thương mại. Nguyên nhân là do hàng hóa Việt chiếm lấy thị phần của Trung Quốc tại Mỹ và ngược lại. Đặc biệt, năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu máy tính và các loại linh kiện đã tăng khoảng 20% so với cùng kì năm ngoái, trong đó, hai thị trường Việt Nam giao dịch nhiều nhất là Mỹ và Trung Quốc. Có thể thấy, mảng xuất nhập khẩu phát triển cũng đồng nghĩa với việc các hoạt động logistic trong năm qua trở nên sôi động hơn.

Đối với VINAFREIGHT, trong năm 2019, Công ty không gặp phải rủi ro kinh tế vì các đơn hàng của Công ty chủ yếu đến từ Coteccons và Philips với mặt hàng chủ lực là nguyên vật liệu xây dựng và đồ điện gia dụng. Bước sang năm 2020, tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp rất nhiều thách thức, đặc biệt dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, lây lan nhanh sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Thời điểm bùng nổ của dịch Covid-19 đang diễn ra vào đúng giai đoạn chu kỳ kinh tế toàn cầu dễ bị tổn thương. Hiện nay, dịch Covid-19 đang bùng nổ tại các quốc gia lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ấn Độ … Top 10 nền kinh tế lớn nhất cùng nhau tạo ra 66% GDP, 69% sản lượng công nghiệp chế biến – chế tạo 46% xuất khẩu, và 56% xuất khẩu chế biến, chế tạo toàn cầu – hiện đang chiếm tới tỷ lệ lây nhiễm và tử vong rất cao, điều này tạo ra cú sốc rất lớn về cả tổng cầu và cung của nền kinh tế thế giới. Điều này đặc biệt tác động đến doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Logistics như VINAFREIGHT, tầm hoạt động của các doanh nghiệp Logistics sẽ thu nhỏ lại làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, EVFTA vừa được nghị viên Châu Âu phê chuẩn sẽ mở ra nhiều cơ hội lớn cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Logistics nói riêng.

Để hạn chế tối thiểu rủi ro kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng và phân công nhiệm vụ cho nhân viên theo dõi, báo cáo thường xuyên diễn biến thị trường với mục đích giúp Ban Lãnh Đạo kịp thời đưa ra những quyết định, chiến lược phù hợp trong việc ứng phó với rủi ro.

2. Rủi ro tỷ giá

Vì đặc thù ngành nghề kinh doanh nên VINAFREIGHT phải thường xuyên giao dịch với các khách hàng và đối tác nước ngoài bằng ngoại tệ, cụ thể là đồng USD nên sự biến động tỷ giá sẽ có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận công ty. Trong năm 2019, FED đã hạ lãi suất 3 lần, xuống mức

1,5% - 1,75% để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu chững lại. Động thái này cũng khiến cho cung tiền tăng lên, giá trị đồng USD giảm xuống so với một số đồng tiền khác. Sự thay đổi trong tỷ giá sẽ khiến các khoản phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ của Công ty cũng bị ảnh hưởng.

Nhận thức được ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro tỷ giá, Công ty đã có một số biện pháp nhằm hạn chế những thiệt hại của rủi ro này như dự báo tỷ giá ngoại tệ; tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ; lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp; sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh toán. Ngoài ra, Mỹ và Trung Quốc vừa qua đã đạt được thỏa thuận bước đầu, khiến biến động tỷ giá có thể sẽ giảm biến động hơn phần nào trong tương lai, giúp cho Công ty dự báo tỷ giá chính xác hơn và có những chính sách công nợ cũng như thanh toán phù hợp và kịp thời.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực logistic thường đối mặt với rủi ro bị chiếm dụng vốn và rủi ro nợ xấu do phải thanh toán trước cho đối tác là các hãng hàng không và tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty. Bên cạnh đó, khi các hợp đồng vận tải với khách hàng không được thanh toán kịp thời và đầy đủ để Công ty xoay vòng vốn thì tình hình tài chính của công ty sẽ gặp phải những ảnh hưởng không tốt. Cụ thể là Công ty phải tăng thêm tiền để bổ sung cho vốn lưu động bị chiếm dụng bởi các hãng vận chuyển cũng như khách hàng, trong khi khoản dự phòng nợ xấu khó đòi cũng có nguy cơ tăng.

Để nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ trong khi vẫn giảm thiểu những rủi ro này, VINAFREIGHT thường xuyên cập nhật tình hình tài chính của Công ty và đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu có đòi và đưa ra các biện pháp, chính sách tín dụng kịp thời, phù hợp. Riêng với những khách hàng mới, Công ty chỉ giao dịch với các đơn vị có năng lực tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ…

4. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty Cổ phần và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp lý như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở, các quy định có liên quan khác…

Hoạt động chủ yếu trong ngành giao nhận vận tải nên Công ty cũng được điều chỉnh chủ yếu bởi Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, Luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các quy định về thủ tục hải quan cũng như những tác động ảnh hưởng từ các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành của Nhà nước…

Năm 2018, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực và Việt Nam đã ký kết, đàm phán thêm một số hiệp định thương mại quốc mới nhằm mở rộng thị trường cho hàng hóa nước ta. Đây là dấu hiệu tích cực sự phát triển của ngành Logistics nói chung và VINAFREIGHT nói riêng. Để tận dụng tốt cơ hội này, VINAFREIGHT phải hiểu rõ và tuân thủ các quy định khắt khe trong Hiệp định, tiêu chuẩn nghiêm ngặt ở các quốc gia thành viên cũng như những quy định trong Luật quốc tế. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật để kịp thời đưa ra những định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp cho Công ty.

5. Rủi ro thanh toán cho đối tác

Trong lĩnh vực logistics, các công ty thường xuyên bị chiếm dụng vốn do phải thanh toán trước cho các hãng hàng không và tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty. Khi các hợp đồng không được thanh toán kịp thời và đầy đủ, tình hình tài chính của VINAFREIGHT sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, việc thanh toán sẽ có nhiều khó khăn nếu trong quá trình vận chuyển phát sinh sai sót.

Để nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ và giảm thiểu rủi ro thanh toán, Công ty thường xuyên cập nhật tình hình tài chính của Công ty, xác định khả năng thanh toán của khách hàng, từ đó đưa ra các biện pháp, chính sách kịp thời, phù hợp và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Mức giá tham chiếu ngày 19/11/2020 là 32.000 đồng/cổ phiếu, trong khi giá phát hành cho cổ đông lần này là 10.000 đồng/cổ phiếu, do đó với sự chênh lệch này thì khả năng bán hết cổ phần trong đợt chào bán là khả thi. Tuy trong năm vừa qua kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã có nhiều tiến triển tích cực nhưng xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường vẫn chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Theo đó, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, v.v…

7. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành. Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu phát hành: 16.753.500 cổ phần (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm cổ phần), chào bán ra công chúng với giá phát hành là 10.000 đồng/cp. Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \text{ x Số lượng CP đang lưu hành}) + (\text{PR x Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- Ptc : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.
- PR_{t-1}: là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu VNF vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 30.000 đồng/cổ phiếu (PRt-1). Tổng số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu là 16.753.500 cổ

phần. Giá chào bán là 10.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 8.376.750 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

$$\frac{(30.000 * 8.376.750) + (10.000 * 16.753.500)}{8.376.750 + 16.753.500} = 16.667 \ (đồng/cp)$$

Theo Quy chế hướng dẫn giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trường hợp tại ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền, nếu thị giá của cổ phiếu thấp hơn giá phát hành thì giá tham chiếu cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh phần pha loãng từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của VNF cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của VNF.

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

8. Rủi ro quản trị

Cơ cấu tổ chức quản trị là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của mỗi doanh nghiệp bởi nó gắn liền với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để đạt được hiệu quả cao, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với đặc thù văn hóa và chiến lược phát triển riêng của công ty.

Dự kiến sau khi phát hành thì quy mô vốn của VNF sẽ tăng từ 83.922.500.000 đồng lên 251.457.500.000 đồng. Việc quy mô tăng nhanh này sẽ kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản trị và sử dụng nguồn nhân lực. Tuy nhiên Công ty Cổ phần VINAFREIGHT là doanh nghiệp có bề dày lịch sử cùng đội ngũ lãnh đạo với gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành logistics, thì VNF luôn có thể lường trước mọi tình huống cũng như có nhiều phương án quản lý dự phòng, sẵn sàng đón đầu để giảm sự rủi ro về mặt quản trị, cơ chế quản lý xuống mức thấp nhất.

9. Rủi ro khác

Hoạt động trong lĩnh vực vận tải, VINAFREIGHT cũng phải đối diện với các rủi ro liên quan đến thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Nhằm tối thiểu hóa thiệt hại của những rủi ro này, VINAFREIGHT vẫn luôn chủ động thực hiện các hợp đồng bảo hiểm cho cả con người và tài sản, hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu do các rủi ro này gây ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Nguyễn Bích Lân	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Huy Diệu	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà: Lê Thị Ngọc Anh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Lê Văn Hùng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM

Đại diện: Lê Quang Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Giấy Ủy quyền số: 112 - 2019/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 13/12/2019

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần VINAFREIGHT. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần VINAFREIGHT cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty, VNF	: Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
HĐQT	: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
SGDCKHN	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
TTLKCKVN	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
BCTC	: Báo cáo Tài chính
TSCĐ	: Tài sản cố định
DTT	: Doanh thu thuần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Khái quát về Tổ chức phát hành

1.1.Tổng quan về Công ty

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
Tên giao dịch quốc tế	:	VINAFREIGHT Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	VINAFREIGHT
Mã chứng khoán	:	VNF
Địa chỉ	:	Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	(84 - 28) 38 446 409
Fax	:	(84 - 28) 38 488 359
Website	:	https://www.vinafreight.com/
Logo	:	VINAFREIGHT International
Vốn điều lệ	:	83.922.500.000 đồng

1.2.Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Hoạt động logistics.
  - Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
  - Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
  - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài.
  - Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng.
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
  - Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
  - Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc theo quy định của pháp luật..
  - Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS).
  - Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
  - Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật..

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Chuyển phát.

- **Địa bàn kinh doanh:** Hiện nay, địa bàn kinh doanh của Công ty đã trải rộng khắp các khu vực trong cả nước, trong đó VINAFREIGHT đã có cơ sở tại các tỉnh và thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Tiền thân:** Công ty VINAFREIGHT trước đây là đơn vị chuyên về vận tải hàng không thuộc công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP HCM (VINATRANS), chuyên thực hiện các dịch vụ về vận chuyển hàng không, dịch vụ hậu cần và đại lý tàu biển từ những năm đầu của thập niên 90. Trước tình hình sôi động của nền kinh tế thị trường, công ty VINAFREIGHT được thành lập vào năm 1997. Chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập, Công ty đã nhanh chóng nổi lên như là một trong một số ít những doanh nghiệp thành công về dịch vụ giao nhận, hậu cần và đại lý hàng hải.
- **2001:** Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển xí nghiệp dịch vụ kho vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, tên giao dịch là VINAFREIGHT. Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của Công ty được tiến hành thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức, cơ cấu quản lý Công ty
- **2002:** Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân được Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 14/1/2002. Chính thức trở thành thành viên của VIFFAS, thực hiện chiến lược phát triển thông qua mở rộng chi nhánh, góp vốn liên doanh, liên kết.
- **2003:** Thành lập văn phòng Công ty tại khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, khu chế xuất Tân Thuận Thành và khu chế xuất Amata. Góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt – Nhật. Thành lập chi nhánh công ty tại TP.Hà Nội, TP. Hải Phòng đồng thời mở Phòng đại lý hãng tàu tại Quận 1 sau chuyển về Quận 4.
- **2004:** Góp vốn thành lập công ty TNHH DVHK Vector Quốc tế (tỷ lệ góp vốn 90%); góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải ô tô V-Truck (tỷ lệ góp vốn 9%); góp vốn thành lập vào công ty TNHH Vax Global (tỷ lệ góp vốn: 40%).
- **2005 - 2006:** Tăng vốn góp vào Công ty TNHH DVHK Vector Quốc Tế từ 900 triệu đồng lên 13,5 tỷ đồng. bỏ chỗ góp vốn thành lập Công ty Vector.
- **2007:** Chính thức đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ lên mức 56 tỷ đồng. Công ty tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế từ 1 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng..
- **2008:** Công ty thực hiện trọn gói việc vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất cho một số khách hàng lớn từ nước ngoài. Trong năm Công ty Vector chính thức đảm nhận khai thác chuyến bay feeder hàng hóa SGN-BKK. Trở thành Công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện thuê máy bay vận tải lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa.

- **2009 - 2010:** Mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương. Công ty Vector được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air, khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero. Ngày 01/12/2010 chính thức giao dịch cổ phiếu VNF trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- **2011 - 2012:** Tháng 10/2011, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không Toàn cầu Vina Vinatrans (VAX Global) quyết định giải thể Công ty, là một trong số các Công ty liên kết của VINAFREIGHT (chiếm 40% vốn góp). Tháng 11/2011, Công ty góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam). Công ty tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế từ 15 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng.
- **2013 - 2014:** Lần đầu tiên Công ty VNF được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất. Năm thứ hai liên tiếp Công ty VNF nằm trong danh sách TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất. Công ty con Vector Aviation được chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa và hành khách của Hãng hàng không Jet Airways/ Ấn Độ.
- **2015:** Ngày 27 tháng 01 năm 2015, Công ty cổ phần VINAFREIGHT đã được Bộ GTVT cấp giấy phép KD vận tải đa phương thức. Giấy phép có thời hạn hiệu lực là 05 năm kể từ ngày cấp. Ngày 06 tháng 11 năm 2015, Tổng cục Hải Quan cấp giấy phép công nhận Đại lý làm thủ tục Hải quan. Ngày 10 tháng 11 năm 2015, được chỉ định làm Tổng đại lý của hãng tàu Pan Continental Shipping (Hàn Quốc).
- **2017:** Ngày 20/05/2017, Công ty CP VINAFREIGHT và phòng đại lý hãng tàu Pan Con đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc – Việt Nam – Thái Lan.
- **2018:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ lên mức 83,92 tỷ đồng
- **2019 – đến nay:** Địa chỉ trụ sở kinh doanh chính được thay đổi từ A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM về lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM. Hoàn tất thủ tục giải thể cho công ty liên kết là Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vina.

3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 01: Cơ cấu tổ chức

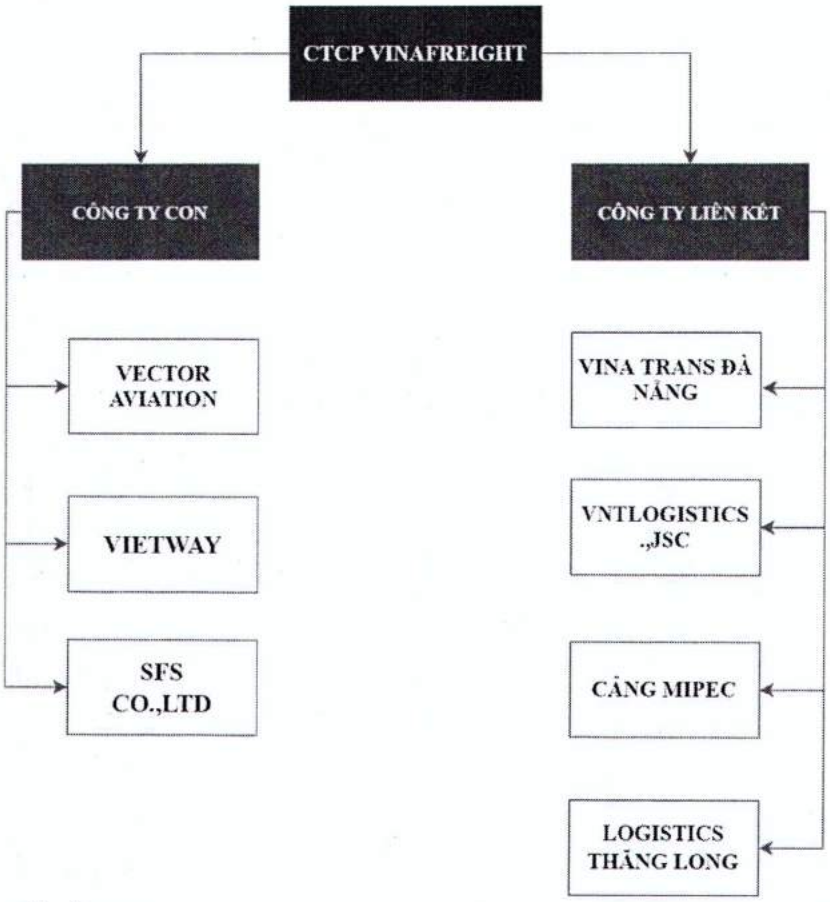

Diễn giải sơ đồ tổ chức:

Công ty con

Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (VECTOR AVIATION): Tỷ lệ vốn góp của VNF: 90%.

Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (VIETWAY): Tỷ lệ vốn góp của VNF: 94,90%.

Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam (SFS Co.,LTD) : Tỷ lệ vốn góp của VNF: 100%.

Công ty liên kết

Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (VINA TRANS ĐÀ NẴNG): Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 27,89%.

Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNTLOGISTICS .,JSC): Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 24,78%.

Công Ty Cổ Phần Cảng Mipec (CẢNG MIPEC): Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 20%.

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long (LOGISTICS THĂNG LONG): Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 25%.

Sơ đồ 02: Sơ đồ quản lý

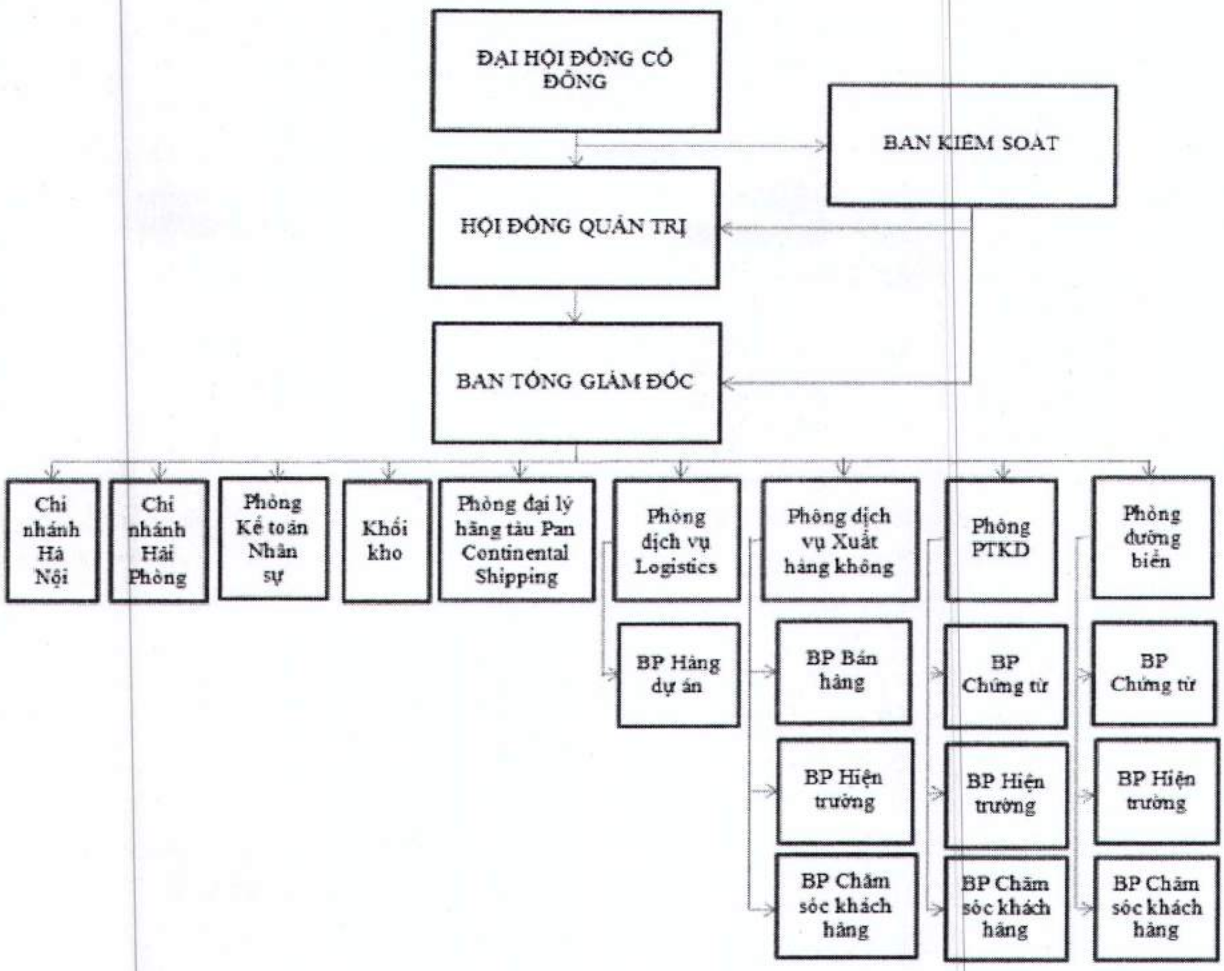

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan với cơ cấu như sau:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Tổng giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó tổng giám đốc. Là cơ quan điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội

đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đề ra trong từng thời kỳ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các chi nhánh trực thuộc

Công Ty Cổ Phần VINAFREIGHT – Chi Nhánh Tp. Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 7, Số 25 Phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện.
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

Công Ty Cổ Phần VINAFREIGHT – Chi Nhánh Tp. Hải Phòng

Địa chỉ: Phòng 212, tầng 2 số 441 Đà Nẵng, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1.Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

Bảng 01: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần VNF trở lên (Tính đến ngày 15/05/2020)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (CP)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Transimex	172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.491.395	44.913.950.000	53,52%
2	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	912.000	9.120.000.000	10,87%
3	Công ty Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	Lầu 8, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.100.250	11.002.500.000	13,11%

Nguồn: VNF

4.2.Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần VINAFREIGHT được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 14/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/08/2020.

Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.3.Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 15/05/2020, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 02: Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu
Trong nước	**204**	**8.041.500**	**95,82%**
Cá nhân	*190*	*1.224.465*	*14,59%*

Tổ chức	*14*	*6.817.035*	*81,23%*
Ngoài nước	**13**	**335.250**	**3,99%**
Cá nhân	*6*	*14.760*	*0,18%*
Tổ chức	*7*	*320.490*	*3,82%*
Cổ phiếu quỹ	**1**	**15.500**	**0,18%**
Tổng cộng	**218**	**8.392.250**	**100,00%**

Nguồn: VNF

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của tổ chức phát hành

Công ty mẹ

Công Ty Cổ Phần TRANSIMEX (TMS)

Địa chỉ: Lầu 9- 10 số 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ: 548.807.570.000 đồng

Vốn điều lệ của VINAFREIGHT: 83.922.500.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của TMS chiếm 53,52% vốn cổ phần của Công ty cổ phần VINAFREIGHT

Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty liên kết

Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (VINA TRANS ĐÀ NẴNG)

Địa chỉ: 140 Trưng Nữ Vương, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Vốn điều lệ : 15.750.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 27,89%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh; Kinh doanh vận tải đa phương thức

Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNTLOGISTICS .,JSC)

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ : 119.490.050.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 24,78%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh; Kinh doanh vận tải đa phương thức

Công Ty Cổ Phần Cảng MIPEC

Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 20%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long

Địa chỉ: Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF chiếm 25%

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp

Công ty con

Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (VECTOR AVIATION)

Địa chỉ: 39B Trường Sơn, lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ : 45.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF: 90%

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa

Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (VIETWAY)

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ : 12.244.898.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF: 90%

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa, Đại lý bán vé máy bay

Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của VNF: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.

6. Báo cáo quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện tăng vốn 03 lần, cụ thể như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ trước khi phát hành (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	2005	18.000.000.000	9.000.000.000	27.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/03/2005 Giấy ĐKKD lần 02 ngày 29/08/2005
2	2007	27.000.000.000	29.000.000.000	56.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 21/04/2007 Giấy ĐKKD lần 3 ngày 06/07/2007
3	5/12/2018 (*)	56.000.000.000	27.922.500.000	83.922.500.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 ngày 16/01/2018 Biên bản kiểm phiếu Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản số 01/2018/BBKP-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 49/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/09/2018. Giấy ĐKKD lần 10 ngày 25/12/2018

(*) Ý kiến của kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất (năm 2018):

Năm 2018, CTCP VINAFREIGHT đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 56.000.000.000 đồng lên 83.922.500.000. Căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ – CP Công ty đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trên và được Đại hội thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/12/2019. Theo đó, Công ty xin trình bày cụ thể ý kiến của kiểm toán viên như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 56.000.000.000 đồng lên 83.922.500.000 đồng của Công ty Cổ phần VINAFREIGHT từ ngày 11/12/2018 đến ngày 31/03/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

(Trích dẫn thuyết minh II.1 trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 56.000.000.000 VND lên 83.922.500.000 VND kèm theo, được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu – thực chi và là một bộ phận trong dòng tiền chi của Công ty).

7. Hoạt động kinh doanh

7.1.Các sản phẩm dịch vụ chính của công ty gồm:

Dịch vụ hàng không

- Vận chuyển hàng không
- Vận chuyển kết hợp đường biển hàng không
- Dịch vụ giao hàng tận nơi
- Khai thuế hải quan
- Môi giới bảo hiểm hàng hóa
- Dịch vụ chia lẻ hàng nhập khẩu
- Giám định hàng hóa

Dịch vụ đường biển

- Dịch vụ hàng nguyên container và hàng lẻ toàn thế giới
- Dịch vụ gom hàng và chia lẻ
- Đại lý cho người mua hàng
- Khai thuế hải quan
- Dịch vụ xe tải
- Dịch vụ môi giới bảo hiểm và thẩm định hàng hóa
- Dịch vụ hàng dự án và triển lãm

Dịch vụ đại lý tàu biển

- Dịch vụ đại lý hàng hải
- Dịch vụ quản lý, thuê tàu và môi giới hàng hải
- Kiểm hàng và dịch vụ tàu biển

Dịch vụ giá trị gia tăng

- Dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho
- Tư vấn về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất

Cho thuê kho bãi

7.2.Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

- Cơ cấu doanh thu qua các năm

Bảng 03: Cơ cấu doanh thu qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Doanh thu cước vận tải quốc tế	1.038.315	61,92%	884.799	58,24%	1.408.122	88,10%
Doanh thu bán vé máy bay	459.404	27,40%	439.450	28,92%	59.501	3,72%
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	149.871	8,94%	166.174	10,94%	108.631	6,79%
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	29.306	1,75%	28.881	1,90%	21.936	1,37%
Tổng doanh thu	**1.676.896**	**100%**	**1.519.304**	**100%**	**1.598.190**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Bảng 04: Cơ cấu doanh thu qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng %
Doanh thu cước vận tải quốc tế	149.138	49,62%	95.447	36,77%	62.424	36,49%
Doanh thu bán vé máy bay	0	0,00%	-	0,00%	0	0%

Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	151.447	50,38%	164.156	63,23%	108.654	63,51%
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	0	0,00%	-	0,00%	0	0%
Tổng doanh thu	**300.585**	**100,00%**	**259.603**	**100%**	**171.078**	**100%**

Nguồn: BCTC Tổng hợp kiểm toán 2018, 2019, BCTC Tổng hợp quý III năm 2020

Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của VINAFREIGHT năm 2019 đạt 1.519 tỷ, giảm 157,59 tỷ so với năm 2018. Trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty, dịch vụ giao nhận hàng hóa chứng kiến sự tăng trưởng rõ rệt (+10,88% so với năm 2018). Tuy nhiên, vì mảng này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu nên không thể bù đắp được sự sụt giảm doanh thu của các hoạt động còn lại. Theo đó, dịch vụ vận tải quốc tế là lĩnh vực giảm mạnh nhất (-14,79% tương đương -153,52 tỷ) do hai nguyên nhân chính:

- Xu hướng đấu thầu toàn cầu dẫn đến sự biến động của một số khách hàng lớn. Theo đó, nhu cầu vận chuyển tăng cao nhưng điều này cũng đi kèm với nhu cầu về khả năng vận chuyển tải trọng lớn và cung ứng các dịch vụ trọn gói. Vì thế, xu hướng đấu thầu toàn cầu xuất hiện, dẫn đến sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước đang có xu hướng giảm so với doanh nghiệp vận tải quốc tế.
- Sự thay đổi về chính sách của các hãng hàng không khiến công ty con là CT TNHH DVHK Vector Quốc Tế (Vector) và CT TNHH Đầu tư Phát triển TM Con Đường Việt (Vietway) gặp một số khó khăn và hoạt động vận tải hàng hóa cũng bị chững lại.

Ngoài ra, doanh thu từ dịch vụ bán vé máy bay và dịch vụ khác cũng giảm lần lượt 4,34% (tương đương 19,95 tỷ) và 1,45% (tương đương 424,84 triệu). Nguyên nhân là do nhân sự bán hàng cấp thấp thường xuyên biến động, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc ổn định danh sách khách hàng.

- Cơ cấu lợi nhuận qua các các năm:

Bảng 05: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Lợi nhuận gộp cước vận tải quốc tế	14.786	25,19%	12.612	26,84%	16.898	54,28%
Lợi nhuận gộp bán vé máy bay	18.030	30,71%	14.793	31,49%	-453	-1,46%
Lợi nhuận gộp dịch vụ	22.881	38,98%	16.528	35,18%	11.243	36,12%

giao nhận hàng hóa						
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ khác	3.005	5,12%	3.051	6,49%	3.442	11,06%
Tổng Lợi nhuận gộp	**58.703**	**100%**	**46.985**	**100%**	**31.130**	**100,00%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Bảng 06: Cơ cấu lợi nhuận qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Lợi nhuận gộp cước vận tải quốc tế	7.711	25,48%	7.675	32,68%	5.479	33,53%
Lợi nhuận gộp bán vé máy bay	0	0	0	0	0	0,00%
Lợi nhuận gộp dịch vụ giao nhận hàng hóa	22.551	74,52%	15.808	67,32%	10.863	66,47%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ khác	0	0	0	0	0	0,00%
Tổng Lợi nhuận gộp	**30.262**	**100%**	**23.483**	**100%**	**16.342**	**100,00%**

Nguồn: BCTC Tổng hợp kiểm toán 2018, 2019, BCTC Tổng hợp quý III năm 2020

Trong năm 2019, tổng lợi nhuận gộp của VINAFREIGHT đạt 46,99 tỷ đồng giảm -19,96% (giảm -11,72 tỷ đồng so với năm 2018) trong đó chiếm tỷ trọng nhiều nhất vẫn là mảng dịch vụ giao nhận hàng hóa chiếm 35,18%, tiếp đến là mảng bán vé máy bay và cước vận tải quốc tế lần lượt là 31,49%; 26,84%. Nguyên nhân lợi nhuận gộp giảm chủ yếu đến từ thay đổi chính sách đầu thầu của các Công ty toàn cầu như: Chính sách hoa hồng của các hãng Hàng Không khác nhau làm lợi nhuận công ty giảm. Các hãng Hàng Không tăng đại lý bán hàng, dẫn đến tình trạng giảm lợi nhuận biên, ảnh hưởng lợi nhuận công ty. Cấu thành cước vận chuyển gồm cước và phụ phí. Chính sách hãng Hàng Không thay đổi điều chỉnh tỷ lệ phụ phí tăng lên, giảm tỷ lệ cước nên ảnh hưởng hoa hồng của công ty do công ty được hưởng hoa hồng trên cước.

Chi phí hoạt động qua các năm

- Chi phí hoạt động của Công ty

Bảng 07: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09T/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT
Giá vốn hàng bán	1.608.770	96,48%	1.463.866	96,89%	1.564.472	98,05%
Chi phí tài chính	7.974	0,48%	7.258	0,48%	6.480	0,41%
Chi phí lãi vay	4.246	0,25%	5.337	0,35%	3.351	0,21%
Chi phí bán hàng	16.764	1,01%	13.947	0,92%	4.471	0,28%
Chi phí quản lý DN	21.849	1,31%	19.708	1,30%	17.515	1,10%
Chi phí khác	53	0,00%	130	0,01%	41	0,00%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.754	0,35%	4.024	0,27%	4.278	0,27%
Tổng cộng	**1.661.164**	**99,62%**	**1.508.933**	**99,87%**	**1.597.258**	**100,10%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Bảng 08: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09T/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Tỷ lệ DTT
Giá vốn hàng bán	270.322	89,93%	236.120	90,95%	154.736	90,45%
Chi phí tài chính	3.800	1,26%	5.658	2,18%	4.829	2,82%
Chi phí lãi vay	*1.791*	*0,60%*	*4.012*	*1,55%*	2.832	1,66%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	0	-
Chi phí quản lý DN	13.955	4,64%	14.079	5,42%	11.600	6,78%
Chi phí khác	-	-	43	0,02%	0	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.099	1,03%	1.452	0,56%	1.409	0,82%
Tổng cộng	**291.176**	**96,87%**	**257.352**	**99,13%**	**172.574**	**100,87%**

Nguồn: BCTC Tổng hợp kiểm toán 2018, 2019, BCTC Tổng hợp quý III năm 2020

Chi phí hoạt động của Công ty duy trì mức bình quân trên 99% trên doanh thu thuần. Bảng số liệu trên cho thấy giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chi phí chiếm tỷ trọng trung bình lớn nhất với hơn 96,89% dựa trên báo cáo hợp nhất, và 90,95% dựa trên báo cáo riêng. Tính đến hết năm

2019, giá vốn hàng bán Công ty mẹ đạt 236.120 triệu đồng, tương đương 90,95% tổng giá trị doanh thu thuần trong kỳ.

Khoản mục chi phí lớn thứ hai của Công ty mẹ là chi phí Quản lý doanh nghiệp, khoản mục này chiếm khoảng 4,7% – 5,5% năm 2018 - 2019. Trong năm 2019, giá trị khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp là 14.079 triệu đồng, chiếm 5,42% doanh thu thuần.

7.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Các khoản đầu tư dài hạn:

Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 1.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.

Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (VIETWAY)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 5.620.408.200 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 90% vốn điều lệ.

Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (VECTOR AVIATION)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 40.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 90% vốn điều lệ.

Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (VINA TRANS ĐÀ NẴNG)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 4.392.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 27,89% vốn điều lệ.

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 41.945.500.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 25% vốn điều lệ.

Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNTLOGISTICS .,JSC)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 43.377.248.076 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 24,78% vốn điều lệ.

Công Ty Cổ Phần Cảng Mipec

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 157.760.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 20% vốn điều lệ.

Công Ty TNHH Vận Tải Ô Tô VI NA VINATRANS (V TRUCK)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 726.150.000 đồng.

Công Ty Liên Doanh Vận Tải Việt Nhật (KONOIKE VINA)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 30/09/2019): 4.917.335.327 đồng

Công Ty Cổ Phần Logistics Vinalink

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 1.650.000.000 đồng

Công Ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KINTETSU)

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2019): 4.246.950.000 đồng.

7.4. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing là một trong các hoạt động quan trọng của Công ty để quảng bá dịch vụ tới khách hàng tiềm năng. Song song với các hoạt động chăm sóc khách hàng hiện hữu, Công ty cũng chủ động quảng bá thương hiệu, dịch vụ và chất lượng dịch vụ của mình đến các khách hàng mới. Cụ thể, Công ty áp dụng các chiến lược quảng cáo và hỗ trợ quảng cáo để quảng bá thương hiệu nhằm mục đích đạt được doanh thu dự tính như: xây dựng website của Công ty, thông tin trên các phương tiện đại chúng, đặc biệt là trên các tạp chí trong ngành, quảng bá văn phòng phẩm, tặng phẩm có logo của Công ty cho khách hàng. Đồng thời, VNF còn tham gia các hội nghị, hội thảo ngành nghề của quốc gia, khu vực và quốc tế để cập nhật thông tin về thị trường, các doanh nghiệp cùng ngành; đây cũng là cơ hội tốt để Công ty mở rộng mạng lưới bạn hàng và đối tác.

7.5.Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại đã đăng ký bản quyền: Logo của Công ty đã đăng ký và được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 34330 ngày 25/03/2019

- Logo của Công ty:

VINAFREIGHT International

7.6. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 09: Thông tin về các hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hóa

STT	Nội dung hợp đồng	Tên nhà cung cấp	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Cung cấp dịch vụ logistics	VNF - Signify	01/02/2020 (Số HĐ: 2020-SVN-VNF)	Một năm
2	Cung cấp dịch vụ logistics	VNF – Philips Vietnam LTD	01/01/2020 (Số HĐ: CW306956)	Một năm và tái tục nếu không bên nào có ý kiến gì khác
Tổng cộng				

Nguồn: VNF

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của VNF (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	09/2020
Tổng giá trị tài sản	744.914	716.298	-3,84%	850.858
Doanh thu thuần	1.667.472	1.510.851	-9,39%	1.595.602
Lợi nhuận từ HĐKD	36.432	20.903	-42,62%	23.669
Lợi nhuận khác	3.032	2.915	-3,86%	1.164
Lợi nhuận trước thuế	39.464	23.818	-39,65%	24.833
Lợi nhuận sau thuế	33.710	19.795	-41,28%	20.554
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	20,61%	0%	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Đến 31/12/2019, tổng giá trị tài sản hợp nhất của VNF đạt 716.298 triệu đồng, giảm 28.616 triệu đồng, tương ứng giảm 3,84% so với năm 2018. Doanh thu thuần năm 2019 đạt 1.510.851 triệu đồng, giảm 156.621 triệu đồng, tương ứng giảm 9,39% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 19.795 triệu đồng, giảm 41,28% so với năm 2018.

Bảng 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của VNF (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	09/2020
Tổng giá trị tài sản	435.506	471.035	8,16%	461.267
Doanh thu thuần	300.585	259.603	-13,63%	171.078
Lợi nhuận từ HĐKD	26.208	21.625	-17,49%	19.957
Lợi nhuận khác	168	-35	-121,03%	0
Lợi nhuận trước thuế	26.376	21.589	-18,15%	19.957
Lợi nhuận sau thuế	23.277	20.137	-13,49%	18.548
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	20,61%	0%	-	-

Nguồn: BCTC Tổng hợp kiểm toán 2018, 2019, BCTC Tổng hợp quý III năm 2020

Năm 2019, tổng tài sản Công ty mẹ đạt 471.035 triệu đồng, tăng 8,16% so với cùng kỳ năm trước. Về kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu doanh thu thuần giảm 13,63% so với năm 2018. Lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty mẹ năm 2019 lần lượt đạt 21.589 triệu đồng và 20.137 triệu đồng.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

Thuận lợi:

- Khách hàng ổn định;
- Hội nhập kinh tế của Việt Nam ngày càng mở rộng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp thương mại xuất nhập khẩu cũng như doanh nghiệp ngành logistics tăng trưởng. Theo Hiệp hội Doanh dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), tốc độ phát triển của ngành logistics ở Việt Nam những năm gần đây đạt khoảng 14% - 16%, với quy mô khoảng 40 - 42 tỷ USD/năm và là một trong những ngành có tiềm năng rất lớn đối với nền kinh tế.
- Điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi: Việt Nam có đường bờ biển dài, thuận lợi cho việc vận tải hàng hóa bằng đường thủy.
- Trong xếp hạng Chỉ số Hiệu quả Logistics (gọi tắt là LPI) do Ngân hàng Thế giới công bố từ nay đến năm 2025 lên 5 – 10 bậc (năm 2018, Việt Nam đứng thứ 39 trên thế giới về xếp hạng LPI), đóng góp tích cực vào cải thiện môi trường kinh doanh, cắt giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung ứng dịch vụ logistics của Việt Nam, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo,...

Khó khăn:

- Cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài.
- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung khiến hàng hóa xuất nhập khẩu trên thế giới giảm, thị trường dư thừa một số lượng tàu lớn khiến đội tàu trong nước khó khăn trong cạnh tranh nguồn hàng vận tải.
- Tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1.Vị thế của công ty trong ngành

- Là một trong doanh nghiệp logistics hàng đầu ở Việt Nam và có uy tín với các đối toàn toàn cầu, có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài.
- Năm 2019, Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) lại tiếp tục đánh giá và xếp Công ty CP VINAFREIGHT vào TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam với thứ hạng 335/500. Đây là lần thứ 7 liên tiếp Công ty CP VINAFREIGHT được xếp vào TOP 500 này kể từ năm 2013.

9.2.Triển vọng và đánh giá sự phù hợp, phát triển của ngành

- Với kinh nghiệm và lịch sử hoạt động lâu dài trong ngành Logistics, Công ty CP VINAFREIGHT tự tin sẽ tiếp tục giữ vững vị trị hàng đầu ở Việt Nam, đóng góp đáng kể cho sự phát triển cho ngành logistics quốc gia.
- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây ổn định, đạt trên 6,8%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực cũng như Thế giới, trong đó Ngành Vận tải có vai trò quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế quốc gia. Là một phần của nền kinh tế Công ty có nhiều cơ hội để phát triển mạnh mẽ và vươn mình ra thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Bảng 12: Cơ cấu lao động của VNF (tính đến ngày 30/06/2020)

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	**297**	**100**
- Trên Đại học	4	1,35
- Đại học	163	54,88
- Cao đẳng	68	22,90
- Khác	62	20,88
Theo hợp đồng lao động	**297**	**100**
- Hợp đồng có xác định thời hạn	70	23,57
- Hợp đồng không xác định thời hạn	224	75,42
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	3	1,01

Nguồn: VNF

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng: Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân sự, Công ty luôn chú trọng đến việc tuyển dụng nguồn nhân lực tài năng. Tùy thuộc vào từng vị trí tuyển dụng, mà Công ty có những điều kiện và yêu cầu khác nhau về chuyên môn, phẩm chất, sáng tạo nhằm đáp ứng tốt công việc, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận.

Đào tạo: Ngoài nguồn lực đầu vào chất lượng, Công ty cũng quan tâm đến việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề của người lao động. Hằng năm, người lao động được đào tạo dưới hình thức đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Thông qua các buổi đào tạo, người lao động có thể phát huy năng lực bản thân, kỹ năng công việc. Dựa trên từng khả năng của người lao động, Công ty sắp xếp vào từng vị trí phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, các cán bộ nhân viên quản lý được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các khóa học về kiến thức quản lý, chuyên môn.

❖ **Chính sách lương, thưởng, trợ cấp**

Dựa trên quy định hiện hành của Nhà nước và kế quả kinh doanh của Công ty mà xây dựng mức lương cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, tùy thuộc vào vị trí nắm giữ, mức độ hoàn thành công việc, giá trị sản phẩm tạo ra và tiêu chuẩn khác tại từng bộ phận, phòng ban mà đưa ra các mức thu nhập cho từng nhân viên Công ty. Nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của nhân viên, Công ty luôn đảm bảo mức lương xứng đáng với công sức người lao động, đảm bảo công bằng, minh bạch trong thực hiện các chính sách lương, thưởng, trợ cấp.

Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng – kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả kinh doanh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động của năm liền kề theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 13: Chính sách cổ tức

STT	Năm	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2016	10%	Tiền mặt
2	2017	10%	Tiền mặt
3	2018	10%	Tiền mặt
4	2019	5%	Tiền mặt

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, 2017, 2018 và 2019

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

❖ **Báo cáo về Vốn điều lệ**

Bảng 14: Vốn điều lệ qua các năm

STT	Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VNĐ)
1	GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4103000781	14/01/2002	18.000.000.000
2	GCN ĐKKD thay đổi lần 2 số: 4103000781	29/08/2005	27.000.000.000
3	GCN ĐKKD thay đổi lần 3 số: 4103000781	06/07/2007	56.000.000.000
4	GCN ĐKKD thay đổi lần 10 số:	25/12/2018	83.922.500.000

	0302511219		

Nguồn: VNF

Từ khi thành lập đến nay, VNF đã trải qua 03 lần thay đổi vốn điều lệ. Vốn điều lệ được Công ty sử dụng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

❖ **Báo cáo tình hình vốn kinh doanh**

Bảng 15: Vốn kinh doanh qua các năm (Hợp nhất):

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	83.923	83.923	83.923
Thặng dư vốn cổ phần	30.199	30.199	30.199
Quỹ đầu tư phát triển	8.926	9.926	10.926
LNST chưa phân phối	210.728	225.776	240.050
Tổng cộng	**333.776**	**349.824**	**365.098**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối.

b. Trích khấu hao TSCĐ:

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao áp dụng cho cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

Bảng 16: Thời gian khấu hao Tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

Nguồn: VNF

c. Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân người lao động VNF được trả như sau:

Bảng 17: Mức lương bình quân

2017	2018	2019
9.000.000 đồng/người/tháng	9.000.000 đồng/người/tháng	9.000.000 /người/tháng

Nguồn: VNF

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

e. Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 18: Các khoản thuế phải nộp

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
Thuế GTGT hàng bán nội địa	514	443
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.629	2.195
Thuế thu nhập cá nhân	814	577
Tiền thuê đất	-	-
Thuế khác	4.056	3.339
Tổng cộng	**9.013**	**6.555**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế. Công ty thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CB CNV đầy đủ theo luật định. Các loại thuế khác Công ty đã kê khai và nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

f. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tỷ lệ trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tình hình số dư các quỹ vào cuối năm 2017, năm 2018, và đến năm 2019 như sau:

Bảng 19: Số dư các quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	8.926	9.926	10.926
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	11.956	13.132	16.114

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018,2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

g. Tổng dư nợ vay:

Bảng 20: Chi tiết nợ vay

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I. Vay và nợ vay ngắn hạn	**67.462**	**89.813**	**104.097**
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	67.462	89.813	104.097
+ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	-	-
II. Vay và nợ vay dài hạn:	-	-	-
Tổng nợ vay	**67.462**	**89.813**	**104.097**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có hoặc vay để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Lãi vay được ghi nhận đầy đủ vào chi phí tài chính theo quy định. Công ty luôn trả nợ đúng hạn và cho đến nay không phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

h. Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 21: Công nợ phải thu ngắn hạn

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Phải thu của khách hàng	176.930	123.054	251.842
Trả trước cho người bán	565	643	631
Các khoản phải thu khác	152.841	125.228	123.265
Dự phòng phải thu khó đòi	-8.666	-6.310	-6.970
Tổng cộng	**321.670**	**242.615**	**368.769**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Bảng 22: Công nợ phải thu dài hạn

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Phải thu của khách hàng	-	-	-

Các khoản phải thu khác	8.057	9.935	6.594
Tổng cộng	**8.057**	**9.935**	**6.594**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

Các khoản phải thu ngắn hạn chủ yếu tập trung vào các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu dài hạn chủ yếu đến các khoản ký quỹ dài hạn. Đến nay Công ty không có các khoản phải thu khó đòi.

Bảng 23: Công nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Nợ ngắn hạn	**399.234**	**353.826**	**476.466**
Phải trả người bán	179.808	111.565	168.049
Người mua trả tiền trước	2.638	1.548	666
Thuế và các khoản phải nộp NN	9.013	6.555	8.803
Phải trả người lao động	9.086	11.447	12.300
Chi phí phải trả	3.554	1.989	32.176
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	476
Phải trả ngắn hạn khác	115.716	117.777	133.785
Vay và nợ thuê tài chính	67.462	89.813	104.097
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.956	13.132	16.114
Nợ dài hạn	**5.461**	**6.127**	**2.754**
Phải trả dài hạn khác	5.461	6.127	2.754
Tổng cộng	**404.695**	**359.954**	**479.220**

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019, BCTC Hợp nhất quý III năm 2020

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,15
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,15	1,15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	54,33	50,25
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	118,95	101,01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay khoản phải thu khách hàng	Vòng	8,64	10,07
+ Vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp	Vòng	8,02	10,05
+ Hiệu suất sử dụng tài sản	Vòng	2,25	2,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,02	1,31
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	11,23	5,68
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	4,55	2,71
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,18	1,38
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	4.851	1.660

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Do đặc thù hoạt động kinh doanh VINAFREIGHT không có hàng tồn kho nên hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty không có sự chênh lệch. Xét chung về khả năng thanh toán, trong năm 2019 Công ty đang dần cải thiện chỉ số này thông qua việc chủ động thanh toán các khoản nợ phải trả (đặc biệt là khoản phải trả người bán và phải trả nhà nước), giúp tổng nợ ngắn hạn giảm 11,06%. Trong khi đó, định hướng hạn chế phát sinh nợ xấu của Công ty đã góp phần làm giảm đáng kể các khoản phải thu khách hàng, dẫn đến tổng tài sản ngắn hạn cũng giảm 11,3%. Tuy nhiên, do sự chênh lệch của hai tài khoản tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn không nhiều nên mức thay đổi trong chỉ số thanh toán vẫn chưa có sự rõ rệt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong 2 năm gần đây, khoảng 50% tài sản của Công ty được tài trợ bởi nợ. Tuy nhiên, năm 2019, do chủ động thanh toán các khoản phải trả và thêm vào đó là sự thu hẹp trong hoạt động kinh doanh chính nên Công ty chủ động hạ tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản từ 54,33% xuống 50,25%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay khoản phải trả người bán

Bên cạnh việc thu hẹp hoạt động kinh doanh khiến doanh số mua hàng giảm, ảnh hưởng từ chính sách tín dụng mới từ phía đối tác (là các hãng hãng vận tải) cũng dẫn đến thời gian thanh toán các khoản phải trả người bán bị rút ngắn hơn các năm trước. Theo đó, giá trị khoản phải trả người bán bình quân giảm mạnh hơn so với doanh số mua hàng của Công ty (-27,38% so với -9,01%), đẩy vòng quay khoản phải trả tăng từ 8,02 lên 10,5%.

Vòng quay khoản thu khách hàng

Vòng quay khoản thu đã được cải thiện từ 8,64 lên 10,07 chủ yếu nhờ vào chủ trương siết chặt chính sách công nợ, giúp thời gian thu tiền khách hàng ngắn lại, từ đó giảm khoản phải thu (mức giảm doanh thu 2019 chỉ có 9,39% nhưng mức giảm khoản phải thu bình quân là 22,26%).

Hiệu quả sử dụng tài sản

Mặc dù tài sản lưu động đã giảm theo doanh thu nhưng do năm vừa qua, công ty tăng đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết nên mức giảm của tổng tài sản bình quân vẫn thấp hơn mức giảm của doanh thu thuần. Vì vậy, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty nhìn chung đã có sự giảm nhẹ từ 2,25 xuống 2,07 vòng. Tuy nhiên, đây chỉ là ảnh hưởng trong ngắn hạn vì Công ty đầu tư thêm vào CTCP Cảng Mipec, trung tâm Thăng Long logistic và trung tâm Logistic Vĩnh Lộc với mục đích hoàn thiện chuỗi giá trị dịch vụ logistic và tăng sức cạnh tranh với các doanh nghiệp vận tải quốc tế, phần nào cải thiện hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Dưới bối cảnh cạnh tranh trong ngành đang gay gắt, Công ty đối diện với một số khó khăn trong việc duy trì thị phần, đồng thời VINAFREIGHT cũng đang trong giai đoạn đầu tư mạnh vào các công ty liên doanh liên kết nên nhìn chung, các biên lợi nhuận và hiệu suất sinh lợi của Công ty đều giảm. Trong tương lai, Công ty kỳ vọng các chỉ số này sẽ được cải thiện trở lại khi các công ty liên doanh liên kết đi vào hoạt động ổn định và hiệu quả, giúp VINAFREIGHT tăng công suất hoạt động, hoàn thiện các dịch vụ trọn gói và từ đó tăng khả năng cạnh tranh.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

STT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
4	Ông Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
6	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Ông **Nguyễn Bích Lân**

- Số CMND/Hộ chiếu: 021879061 Cấp ngày: 14/07/2014 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày sinh: 10/04/1960
- Nơi sinh: Phnom Penh, Campuchia
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

+ Từ 1988 – 2001:	Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM – Vinatrans
+ Từ 2002 – nay:	Công tác tại Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
+ Từ 2002 – nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải miền Trung;
+ Từ 2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cảng Mipec
+ Từ 2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT logistics JSC)
+ Từ 2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Transimex.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
  + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải miền Trung;
  + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cảng Mipec
  + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương
  + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Transimex.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: không có
  + Cá nhân sở hữu: 120.375 cổ phần, chiếm 1,43% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Lê Thị Ngọc Thư	Vợ	-
2	Nguyễn Lê Bích Khuê	Con	-
3	Nguyễn Lê Bích Khôi	Con	-
4	Nguyễn Bích Quang	Anh ruột	-

5	Nguyễn Bích Huy	Anh ruột	-
6	Nguyễn Bích Văn	Em ruột	-
7	CTCP Transimex	Thành viên HĐQT	4.523.495
8	Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung	Thành viên HĐQT	49.500
9	Công ty CP Cảng MIPEC	Thành viên HĐQT	262.500
10	Công ty CP GNVT Ngoại thương	Thành viên HĐQT	262.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2. Ông **Bùi Tuấn Ngọc**

- Số CCCD: 001065013640 Cấp ngày: 15/06/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày sinh: 21/02/1965
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương; Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

+ Từ 1988 – 1992	Công tác tại Công ty Seaprodex
+ Từ 1992 – 1993	Công tác tại Liên hiệp DVLHSXTM TPHCM
+ Từ 1993 – 1994	Công tác tại TT TM LD Việt-Xô TPHCM
+ Từ 1994 – nay	Giám đốc Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải.
+ Từ 2006 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex.
+ Từ 2012 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP VINAFREIGHT
+ Từ 2016 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cholimex
+ Từ 05/12/2018 – nay	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
+ Từ 06/2020 – nay	Công ty Cổ phần Thương Mại Phú Nhuận
+ Từ 24/04/2017 – nay	Công ty Cổ phần Thượng Mại Hóc Môn (HOTRACO)
+ Từ 2005 – nay	Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX)
Và một số Công ty khác (*)	

(*): Để đảm bảo thực hiện đúng quy định khoản 3 điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, ông Bùi Tuấn Ngọc sẽ từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại một số công ty để đảm bảo tuân thủ quy định.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

  + Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải.

  + Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex.

  + Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Cholimex

  +Chủ tịch HĐQT - CTCP Garmex Sài Gòn

  +Thành viên HĐQT - CTCP Thương Mại Phú Nhuận

  +Thành viên HĐQT - CTCP Thượng Mại Hóc Môn (HOTRACO)

  +Thành viên HĐQT - CTCP Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX)

+Và một số Công ty khác

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: Công ty cổ phần Transimex: 4.523.495 cổ phần, chiếm 54% Vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Phùng Thị Quỳnh Yến	Mẹ	-
2	Nguyễn Thanh Huyền	Vợ	-
3	Bùi Minh Tuấn	Em ruột	12.000
4	Bùi Trần Yến Châu	Con	-
5	Bùi Ngọc Thạch	Con	-
6	Công ty CP Transimex	Chủ tịch HĐQT	4.523.495
7	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt	Chủ tịch HĐQT	-
8	Công ty CP Đầu tư Vina	Chủ tịch HĐQT	-
9	Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Thiên Hải	Chủ tịch HĐTV	-
10	Công ty CP Cholimex	Phó Chủ tịch HĐQT	-
11	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương	Thành viên HĐQT	262.500
12	Công ty Cổ phần VINAPRINT	Chủ tịch HĐQT	-
13	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT	-
14	Công ty Cổ phần Thương Mại Phú Nhuận	Thành viên HĐQT	-
15	Công ty Cổ phần Thượng Mại Hóc Môn (HOTRACO)	Thành viên HĐQT	-
16	Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX)	Thành viên HĐQT	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

3. Ông **Lê Duy Hiệp**

- Số CCCD: 072063002244 Cấp ngày: 21/06/2019
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày sinh: 05/12/1963
- Nơi sinh: Tây Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ 1990 – 1998	Công tác tại Công ty Cung ứng Tàu biển TP.HCM
+ Từ 1998 – 2004	Công tác tại Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải
+ Từ 2004 – nay	Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải
+ Từ 2004 – 2020	Thành viên HĐTV Công ty TNHH Transvina
+ Từ 2009 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Transimex.
+ Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP VINAFREIGHT.
+ Từ 2016 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Cholimex
+ Từ 23/4/2018 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT logistics JSC)

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
  + Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải
  + Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex
  + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cholimex
  + Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: không có
  + Cá nhân sở hữu: không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Đỗ Duy Liên	Mẹ	-

2	Đỗ Thị Việt Hoa	Vợ	-
3	Lê Duy Nguyệt Linh	Con	-
4	Lê Duy Nhật Khôi	Con	-
5	Lê Thái Hỷ	Anh ruột	-
6	Lê Thị Liên Hoan	Chị ruột	-
7	Công ty CP Transimex	PCT. HĐQT/TGĐ	4.523.495
8	Cty CP DV Hàng hải (Mac Shipping)	Thành viên HĐQT	-
9	Công ty CP Cholimex	Thành viên HĐQT	-
10	CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương	Thành viên HĐQT	262.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

4. Ông **Chu Việt Cường**

- Số CMND: 011660837 Cấp ngày: 29/03/2005 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 18/11/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

+ Từ 1992 – 1994	Research Fellow Viện chiến lược Đông Nam Á.
+ Từ 1994 – 1995	Trợ lý TGĐ Tập đoàn Marubeni Nhật Bản
+ Từ 1996 – 1999	Phó TGĐ Trung tâm Phát triển Kinh tế Xã hội Việt Nam.
+ Từ 2000 – 2006	Giám đốc khối Ebanking & Retail Banking Ngân hàng ANZ
+ Từ 2006 – 2008	Tổng Giám đốc BNP Paribas-Prevoir JV
+ Từ 2008 – 2009	Phó TGĐ Prudential Assurance Ltd
+ Từ 2009 – nay	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ Công ty CP Sovico
+ Từ 2011 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Hàng không Vietjet.
+ Từ 06/2013 – 09/2013	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đại Á
+ Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP VINAFREIGHT.
+ Từ 2013 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng HDBank.
+ Từ 1992 – 1994	Research Fellow Viện chiến lược Đông Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
  + Thành viên HĐQT/Phó TGĐ – Công ty CP Sovico
  + Thành viên HĐQT – Công ty CP Hàng không Vietjet
  + Thành viên HĐQT - Ngân hàng HDBank
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: không có
  + Cá nhân sở hữu: không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Chu Thanh Tịnh	Con	-
2	Công ty CP Sovico		-
3	Công ty CP Hàng không Vietjet		-
4	Ngân hàng HDBank		-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

5. Ông **Nguyễn Huy Diệu**

- Số CMND: 022129650 Cấp ngày: 31/05/2007 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 15/11/1960
- Nơi sinh: Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ 1987 – 2002	Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM – Vinatrans
+ Từ 2002 – 31/07/2020	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VINAFREIGHT.
+ Từ 01/08/2020 đến nay	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VINAFREIGHT.
+ Từ 2009 – nay	Thành viên HĐTV Công ty Liên doanh Konoike Vina
+ Từ 2017 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Transimex

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
  + Thành viên HĐTV - Công ty Liên doanh Konoike Vina
  + Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Vận tải Transimex
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: không có
  + Cá nhân sở hữu: 525 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Nguyễn Huy Hoàng	Cha	-
2	Vũ Thị Sang	Mẹ	-
3	Nguyễn Thị Thự	Chị	-
4	Nguyễn Thị Thưởng	Chị	-
5	Nguyễn Thị Trọng	Em	-
6	Nguyễn Huy Minh	Em	-
7	Nguyễn Huy Thanh	Em	-

8	Nguyễn Thị Thu Cúc	Em	-
9	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	Vợ	-
10	Nguyễn Huy Đăng Khoa	Con	-
11	Nguyễn Mai Khanh	Con	-
12	Công ty Liên doanh Konoike Vina	Thành viên HĐQT	-
13	Công CP Vận tải Transimex	Thành viên HĐQT	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

6. Ông **Trương Minh Long**

- Số CMND: 0022248613 Cấp ngày: 02/06/2006 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 10/08/1969
- Nơi sinh: Hội An, Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ 1993 – nay	Công tác tại Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans).
+ Từ 2009 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Vinalink Logistics
+ Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT công ty CP Giao nhận Kho vận Miền Trung (Vinatrans Danang)
+ Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT công ty CP Giao nhận Vận Tải Ngoại thương (VNT Logistics)
+ Từ 2017 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP VINAFREIGHT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

  + Thành viên HĐQT/ Tổng GĐ công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam – Vinatrans.

  + Thành viên HĐQT công ty CP Vinalink Logistics

  + Thành viên HĐQT công ty CP Giao nhận Kho vận Miền Trung (Vinatrans Danang)

  + Thành viên HĐQT công ty CP Giao nhận Vận Tải Ngoại thương (VNT Logistics)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:

  + Đại diện sở hữu: Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam: 912.000 cổ phần, chiếm 10,89% Vốn điều lệ

  + Cá nhân sở hữu: không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Trần Thị Hồng	Vợ	-
2	Trương Minh Tuấn	Con	-
3	Trương Minh Nam	Con	-

4	Trương Thị Kính	Chị	-
5	Trương Minh Đức	Anh	-
6	Trương Minh Rân	Anh	-
7	Trương Minh Nhân	Anh	-
8	Trương Minh Nghĩa	Anh	-
9	Trương Thị Minh Lý	Chị	-
10	Trương Minh Lân	Anh	-
11	Công ty CP GNKV Ngoại thương VN	Thành viên HĐQT/TGĐ	912.000
12	Công ty CP GNKV Vận tải Miền Trung	Thành viên HĐQT	-
13	Công ty CP Vinalink Logistics	Thành viên HĐQT	-
14	CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương	Thành viên HĐQT	262.500

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

7. Ông **Nguyễn Anh Minh**

- Số CMND: 022778139 Cấp ngày: 31/03/2009 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 15/10/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

+ Từ 09/1998 – 07/1999	Nhân viên kinh doanh Công ty Liên doanh Malaya – Vietnam
+ Từ 07/1999 – 2003	Nhân viên kinh doanh/ Trưởng bộ phận Công ty VINATRANS - Công ty CP VINAFREIGHT
+ Từ 2003 – 2007	Phó phòng HK/ Trưởng phòng Sales HK Công ty CP Vận tải Ngoại thương (nay là CTCP VINAFREIGHT)
+ Từ 2007 – 07/2009	Trưởng phòng PTKD/Trợ lý TGĐ Công ty CP Vận tải Ngoại thương (nay là CTCP VINAFREIGHT)
+ Từ 09/2009 - 08/2014	Giám đốc Công ty TNHH Vietway
+ Từ 09/2014 - 12/2018	Giám đốc Công ty TNHH Hàng không Vector Quốc tế
+ Từ 01/2019 –tháng 6/2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Transimex
+ Từ 04/2019 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP VINAFREIGHT
+ Từ 01/2020 – nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vinafreight

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: không có
  + Cá nhân sở hữu: 50 cổ phần, chiếm 0,000006% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ

1	Nguyễn Quang Vinh	Cha	-
2	Đặng Kim Thanh	Mẹ	-
3	Nguyễn Hoàng Minh Khoa	Vợ	-
4	Nguyễn Minh Anh	Con	-
5	Nguyễn Minh Phương	Em	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.2. Ban kiểm soát

STT	BAN KIỂM SOÁT	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên
3	Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên

1. Ông **Lê Văn Hùng**

- Số CMND: 024788459 Cấp ngày: 07/05/2008 Nơi cấp: TP.HCM
- Ngày sinh: 02/06/1975
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

  + Từ 2009 – tháng 10/2018 Kế toán trưởng Công ty CP Transimex

  + Từ 2016 – nay Thành viên BKS Công ty CP XNK&ĐT Chợ Lớn

  + Từ 2017 – nay Trưởng BKS Công ty CP VINAFREIGHT

  + Từ tháng 10/2018: Giám đốc tài chính Công ty CP Transimex

  + Từ 2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

  + Giám đốc tài chính Công ty CP Transimex

  + Thành viên BKS Công ty CP XNK&ĐT Chợ Lớn

  + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:

  + Đại diện sở hữu: không có

  + Cá nhân sở hữu: không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Trần Thị Mười	Mẹ	-
2	Lê Văn Hiến	Anh	-

3	Lê Thị Hương	Chị	-
4	Lê Thị Hường	Chị	-
5	Võ Thị Kim Ngân	Vợ	-
6	Lê Trí Dũng	Con	-
7	Lê Ngân Hà	Con	-
8	Công ty CP Transimex	GĐ tài chính	4.523.495
9	Công ty CP Cholimex	Thành viên BKS	-
10	CTCP Dịch vụ Bến Thành	Chủ tịch HĐQT	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2. Bà **Phan Phương Tuyền**

- Số CMND: 079168007466 Cấp ngày: 19/03/2018 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 14/04/1968
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

+ Từ 1992 – 1996	Công tác tại Công ty Điện tử tin học Seatic
+ Từ 1996 – 1996	Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP .HCM – Vinatrans
+ Từ 1997 – nay	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina)
+ Từ 2012 – nay	Thành viên BKS Công ty CP VINAFREIGHT
+ Từ 2016 – nay :	Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina)

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

  + Thành viên BKS tại Công ty CP Transimex

  + Trưởng BKS tại Công ty CP Vinalink Logistics

  + Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:

  + Đại diện sở hữu: không có

  + Cá nhân sở hữu: 1.230 cổ phần, chiếm 0,00015% vốn điều lệ

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Trang Hoàng Trung	Chồng	-
2	Trang Hoàng Long	Con	-
3	Trang Hoàng Phúc	Con	-
4	Phan Ngọc Vân	Chị	-
5	Phan Thị Ngọc Phượng	Chị	-
6	Phan Phi Phong	Anh	-

7	Phan Hùng Phương	Anh	-
8	Công ty Liên doanh Konoike Vina	Kế toán trưởng	-
9	Công ty CP Transimex	Thành viên BKS	4.523.495
10	Công ty CP Vinalink Logistics	Thành viên BKS	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

3. Bà **Nguyễn Hồng Kim Chi**

- Số CMND: 022768993 Cấp ngày: 11/11/2011 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 31/10/1973
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:

  + Từ 1996 – tháng 10/2018 Phó phòng Kế toán Công ty CP Transimex

  + Từ 2016 – nay Thành viên BKS Công ty CP VINAFREIGHT

  + Từ tháng 10/2018 - nay Kế toán trưởng Công ty CP Transimex

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

  + Kế toán trưởng Công ty CP Transimex

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:

  + Đại diện sở hữu: không có

  + Cá nhân sở hữu: không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Nguyễn Hồng Đức	Cha	-
2	Đại Hão	Mẹ	-
3	Vũ Huy Thạnh	Chồng	-
4	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp	Em	-
5	Nguyễn Đại Hồng Phúc	Em	-
6	Nguyễn Đại Hồng Nhung	Em	-
7	Nguyễn Đại Hồng Quế	Em	-
8	Vũ Gia Trúc	Con	-
9	Công ty CP Transimex	Kế toán trưởng	4.523.495

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.3. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

STT	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Huy Diệu	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng

1. Ông **Nguyễn Huy Diệu**

Xem thông tin ở SYLL HĐQT

2. Ông **Nguyễn Anh Minh**

Xem thông tin ở SYLL HĐQT

3. Ông **Nguyễn Ngọc Nhiên**

- Số CMND: 023626837 Cấp ngày: 07/03/2013 Nơi cấp: TP.HCM
- Ngày sinh: 10/10/1971
- Nơi sinh: Vũ Thư, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Ths. QTKD, Cử nhân Ngoại Thương, Cử Nhân Hóa Tổng Hợp
- Quá trình công tác:
- 05/1993 – 08/2004: Công tác tại công ty VINATRANS
- 09/2004 – 04/2005: Công tác tại Công ty TNHH TUV Rheinland Vietnam
- 05/2005 – nay: Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế
- Từ 01/08/2020 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP VINAFREIGHT
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

  + Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:

  + Đại diện sở hữu: Không

  + Cá nhân sở hữu: 150 cổ phần, chiếm 0,00001 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu

	có liên quan		VNF nắm giữ
1	Hồ Đắc Nam Sâm	Vợ	0
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Con	0
3	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Con	0
4	Nguyễn Ngọc Lung	Bố	0
5	Nguyễn Thị Vân	Mẹ	0
6	Nguyễn Xuân Vũ	Anh	0
7	Nguyễn Xuân Hiển	Anh	0
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Chị	0
9	Nguyễn Thị Anh Sơn	Chị	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

4. Bà **Lê Thị Ngọc Anh**

- Số CMND: 048174000032 Cấp ngày: 28/06/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- Ngày sinh: 01/12/1974
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
- Quá trình công tác:

+ Từ 1997 – 1998	Công tác tại Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng mới
+ Từ 1998 – 2001	Công tác tại Công ty TNHH Việt Đan
+ Từ 2001 – 2002	Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
+ Từ 2002 – nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (VINAFREIGHT)
+ Từ 2017 – nay	Trưởng BKS Công ty CP Transimex
+ Từ 2017 – nay	Thành viên BKS Công ty CP Logistics Vinalink

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần VINAFREIGHT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
  + Trưởng BKS Công ty CP Transimex
  + Thành viên BKS CTCP Logistics Vinalink
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
  + Đại diện sở hữu: không có
  + Cá nhân sở hữu: 5.835 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/ cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số lượng cổ phiếu VNF nắm giữ
1	Lê Văn Mười	Cha	-
2	Phạm Thị Liễu	Mẹ	-
3	Thái Ngọc Anh Phương	Con	-
4	Thái Ngọc Anh Vũ	Con	-
5	Lê Văn Nhi	Anh	-
6	Lê Thị Ngọc Ánh	Em	-
7	Lê Thị Bạch Tuyết	Em	-

8	Lê Văn Lộc	Em	-
9	Công ty CP Transimex	Trưởng BKS	4.523.495
10	Công ty CP Vinalink Logistics	Thành viên BKS	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

Bảng 25: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2019

Đơn vị:triệu đồng

Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**13.837**	**2.328**	**16,83%**
Nhà xưởng, vật kiến trúc	2.633	-	0,00%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.589	2.199	25,60%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.615	130	4,96%
Tài sản cố định vô hình	**2.639**	**312**	**11,82%**
Phần mềm vi tính	2.639	312	11,82%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2019

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị:triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	So với thực hiện 2019
Doanh thu thuần	1.510.851	1.346.632	-11%
Lợi nhuận trước thuế	23.818	17.232	-28%
Lợi nhuận sau thuế	19.795	13.786	-30%
Tỷ lệ LNST/DTT	1,31%	1,02%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	5,55%	-	-
Cổ tức	4.188	-	-

Nguồn: VNF

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Chủ động xúc tiến mở rộng thị trường Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản;
- Tái cơ cấu bộ máy tổ chức. Đây là hoạt động cần thiết để tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý các cấp, theo dõi sát sao và định kỳ báo cáo về tình hình sản xuất tại từng phân xưởng.

- Đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng kho bãi song song với nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của người lao động.
- Tăng cường xúc tiến, tìm cơ hội phát triển khách hàng, thị trường mới từ các hiệp định thương mại.
- Đa dạng hóa sản phẩm. Tăng tập trung phát triển các sản phẩm có biên lợi nhuận cao.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần VINAFREIGHT cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần VINAFREIGHT là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ, kỹ sư chuyên nghiệp và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực dệt may xuất khẩu đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, nhu cầu về đầu tư, phát triển trong ngành vận tải vẫn còn rất lớn. Đây cũng là tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai.

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2020 là có tính khả thi, và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, Công ty cam kết sẽ đưa cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành này vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. CTCP VINAFREIGHT đã niêm yết trên sàn HNX, Công ty cam kết thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Hiện tại, Ông Lê Văn Hùng - Trưởng ban kiểm soát CTCP VINAFRIGHT đồng thời là Kế toán trưởng và Thành viên BKS tại các tổ chức khác. Do đó, vị trí Trưởng ban kiểm soát của Công ty vẫn chưa đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017. Vì vậy, Công ty cam kết ghi nhận và sẽ kiện toàn lại thành phần Ban kiểm soát, bầu lại Trưởng ban trong thời gian sớm nhất nhằm tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định đối với công ty niêm yết tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng.

Về ông Bùi Tuấn Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị: Qua rà soát, Công ty đã trao đổi thông tin với ông Bùi Tuấn Ngọc và xác định hiện tại ông Bùi Tuấn Ngọc đang là Thành viên Hội đồng quản trị của 11 công ty. Do đó, để đảm bảo thực hiện đúng quy định khoản 3 điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, Công ty và ông Bùi Tuấn Ngọc đã thống nhất rằng ông Bùi Tuấn Ngọc sẽ từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại 5 công ty.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười ngàn đồng/một cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành là 16.753.500 cổ phần

Thông qua phương thức chào bán ra công chúng theo tỷ lệ 1: 2

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu)

a. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2019:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2019 = Số lượng cổ phiếu đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

= 8.392.250 – 15.500 = 8.376.750 cổ phần

b. Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu VNF tại thời điểm 31/12/2019 theo BCTC kiểm toán năm 2019:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2019 là: **42.540 đồng/CP**

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, giá chào bán được đề nghị của cổ phiếu VNF là 10.000 VNĐ/CP.

6. Phương thức phân phối

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:2
- Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại Công ty.
- Đối với việc phát hành toàn bộ số lượng đăng ký cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian thực hiện dự kiến – Quý IV năm 2020. Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực. Cổ đông không thực hiện góp vốn theo thời gian thông báo của Hội đồng quản trị xem như từ bỏ quyền

mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối.

Lịch trình phân phối cổ phiếu được thực hiện như sau:

❖ Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

- Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông để xác định cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu mới.

❖ Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông. Đảm bảo nguyên tắc phải được gửi đến từng cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký.
- Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày.
- Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo giá quy định vào tài khoản phong tỏa cho đợt phát hành theo thông báo. Sau thời han quy định, các quyền mua chưa được đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 (hai) ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại Công ty, cụ thể như sau:
  + Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua cổ phần được thực hiện tại Công ty.
  + Sau khi nhận đơn đăng ký chuyển nhượng quyền mua cổ phần, Công ty sẽ kiểm tra việc sở hữu quyền mua cổ phiếu của người chuyển nhượng quyền mua và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.

❖ Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền mua

- Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua cổ phần và Danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sau 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

❖ Bước 4: Phân phối cổ phiếu

- Các cổ đông có trong danh sách thực hiện quyền mua nộp tiền vào tài khoản phong tỏa trong thời hạn đăng ký.

Bảng 27: Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCK NN	D	VNF
2	Thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	D+1 đến D+12	VNF, FPTS
3	Gửi hồ sơ đến VSD, HNX, thông báo về việc thực hiện quyền cho cổ đông VNF gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng	D+1 đến D+5	VNF

	quyền, thời gian đăng ký mua		
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua	D+20 đến D+22	VNF
5	Cổ đông VNF nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua	D+29 đến D+31	VNF
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	D+30 đến D+41	NĐT
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu	D+30 đến D+51	NĐT
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký thực hiện quyền mua	D+53 đến D+64	VSD
9	HĐQT phân phối số cổ phiếu VNF không bán hết (nếu có)	D+64 đến D+70	VNF
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	D+70 đến D+80	VNF, FPTS

(Ghi chú: D được tính theo ngày bình thường và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1.Thời hạn: Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, sẽ bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng luật định.

8.2.Số lượng: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

8.3.Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Làm thủ tục đăng ký mua tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu trực tiếp tại Công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.

8.4.Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được Công ty cập nhật vào Sổ theo dõi danh sách cổ đông của Công ty.

8.5.Quyền lợi người mua: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

9. Phương thức thực hiện quyền

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì sẽ được mua 2 cổ phần mới, số cổ phần được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Phương thức thục hiện quyền: Cổ đông được hưởng quyền ưu tiên mua cổ phần sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền. Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có)

- Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Cổ phiếu dôi dư phát sinh bao gồm lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đặt mua hết, HĐQT sẽ cộng dồn và phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu). Số cổ phiếu phát hành nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua; thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành.
- Đối với việc xử lý cổ phiếu do cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP trong trường hợp bán cho các đối tượng khác.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động với số vốn điều lệ mới và tiến hành đăng ký lại Giấy Đăng ký kinh doanh theo quy định.

10.1. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

10.2. Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư và chỉ được chuyển nhượng một (01) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ cổ phiếu cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số

58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như: Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Kinh doanh bất động sản, v.v... Theo quy định của AFAS, ngành nghề dịch vụ đại lý hàng hải có tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế: không vượt quá 49%. Đồng thời, theo quy định của WTO, ngành nghề vận tải hàng hóa bằng đường bộ có tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế: không vượt quá 51%; các ngành nghề có điều kiện khác không có quy định cụ thể. Vì vậy giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa theo quy định là 49%.

Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 15/05/2020, số lượng cổ phiếu của Công ty do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 335.250 cổ phần chiếm 0,4% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty dự kiến sẽ tăng lên 25.145.750 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác. Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

13. Các loại thuế có liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán:

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật thuế Thu nhập cá nhân, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm qua luôn đạt hiệu quả cao và tình hình tài chính lành mạnh với giá đóng cửa bình quân 30 phiên giao dịch (từ 23/06/2020 – 03/08/2020) là 31.383 đồng/cổ phiếu.

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết thì ủy quyền cho HĐQT tự cân đối sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cao nhất.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:

Tên tài khoản: Công ty cổ phần VINAFREIGHT

Số hiệu tài khoản: 0071001212059 - Tên Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM

Địa chỉ: Số 5, Công trường Mê Linh, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 08/06/2020 của Công ty cổ phần VINAFREIGHT đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ nhằm mục đích như sau:

Toàn bộ số vốn thu được sẽ được đầu tư góp vốn vào:

- Góp vốn thêm vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long
- Góp vốn thành lập Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc
- Bổ sung vốn lưu động

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

- Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán này là 167.535.000.000 đồng.
- Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng vốn như sau:

Bảng 28: Kế hoạch sử dụng vốn

STT	Các khoản mục	Số tiền (đồng)
1	Góp vốn thêm vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	50.000.000.000
2	Góp vốn thành lập Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc (*)	52.600.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động (**)	64.935.000.000
	Tổng cộng	**167.535.000.000**

(*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 11-19/NQ-HĐQT ngày 25/10/2019 và theo yêu cầu góp vốn vào Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc, Công ty đã thực hiện góp vốn 1.000.000.000 đồng vào Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc.

(**) Nội dung bổ sung vốn lưu động trả cho nhà cung cấp và công ty con:

STT	Khoản mục tài trợ	Số tiền chi trả	Thời gian dự kiến sử dụng
1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (VCB HCM)	15.000.000.000	Quý I/2020 - Quý II/2021 (*)
2	Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Con Đường Việt	20.000.000.000	Quý I/2020 - Quý II/2021
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế	9.500.000.000	Quý I/2020 - Quý II/2021

4	PAN Continential Shipping Co., Ltd	10.000.000.000	Quý I/2020 - Quý II/2021
5	Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn	10.435.000.000	Quý I/2020 - Quý II/2021
	Tổng cộng	**64.935.000.000**	

(*) Các khoản nợ thời gian đáo hạn quý IV/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (VCB HCM), Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có để thực hiện thanh toán các khoản nợ đúng hạn và Các khoản nợ thời gian đáo hạn quý I/2021 – II/2021 Công ty sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành và nguồn vốn tự có của Công ty.

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Từ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành này, Công ty sẽ cân đối để góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc.

Trong trường hợp nguồn vốn này không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cần thiết, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay Ngân hàng, v.v... để đảm bảo tiến trình đầu tư góp vốn vào hai công ty được diễn ra đúng kế hoạch đã đề ra phù hợp với định hướng phát triển Công ty.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ	:	02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	(84 - 28) 35 472 972
Fax	:	(84 - 28) 35 472 970
Email	:	banbientap@a-c.com.vn
Website	:	https://www.a-c.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – CN Tp.Hồ Chí Minh

Trụ sở chính	:	52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại	:	(84 - 24) 37 737 070 – 62 717 171
Fax	:	(84 - 24) 37 739 058
Email	:	fptsecurities@fpts.com.vn
Website	:	http://www.fpts.com.vn

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ	:	Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84 - 28) 62 908 686 Fax: (84 - 28) 62 910 607

Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần VINAFREIGHT là doanh nghiệp trong lĩnh Logistics, hoạt động rất hiệu quả và đã tạo dựng được thương hiệu trong ngành Logistics Việt Nam. Công ty có kế hoạch huy động thêm vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để mở rộng hoạt động kinh doanh. Phương án phát hành cổ phiếu này đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 08/06/2020 thông qua với tỷ lệ nhất trí cao. Theo đánh giá của

giá của đơn vị tư vấn, đợt chào bán phát hành ra công chúng là phù hợp với nhu cầu về vốn của doanh nghiệp cũng như phù hợp với tình hình kinh tế, chính sách tín dụng và quy định của pháp luật.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.
3. **Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, 2019 (Hợp nhất + Tổng hợp), BCTC quý III năm 2020 (Hợp nhất + Tổng hợp).
4. **Phụ lục IV:** Các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu khác.
5. Các phụ lục khác.

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT	
CHỦ TỊCH HĐQT **NGUYỄN BÍCH LÂN**	**TỔNG GIÁM ĐỐC** CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT M.S.D.N: 0302511216 - C.T.C.P - Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH **NGUYỄN HUY DIỆU**
KẾ TOÁN TRƯỞNG **LÊ THỊ NGỌC ANH**	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT** **LÊ VĂN HÙNG**

TỔ CHỨC TƯ VẤN CTCP CHỨNG KHOÁN FPT CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP S.Q.Đ: 584 - C.T.C.P - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **LÊ QUANG NGỌC THANH**